|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**Số: 2021/TT-BGDĐT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

 **DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

 **Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở,**

**học sinh trung học phổ thông**

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học,*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về đánh giá, học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông (sau đây gọi chung là học sinh) bao gồm: đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh; sử dụng kết quả đánh giá; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

2. Thông tư này áp dụng đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học; trường chuyên biệt; cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục trung học cơ sở, chương trình giáo dục trung học phổ thông (sau đây gọi chung là chương trình giáo dục trung học); tổ chức và cá nhân có liên quan.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đánh giá học sinh* là quá trình thu thập, xử lý thông tin thông qua quan sát, theo dõi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của học sinh; tư vấn, hướng dẫn, động viên học sinh; diễn giải thông tin định tính và định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh.

2. *Đánh giá thường xuyên* là hoạt động đánh giá diễn ra trong quá trình thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục (sau đây gọi chung là dạy học) theo yêu cầu cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục (sau đây gọi chung là môn học) nhằm cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên và học sinh để kịp thời điều chỉnh trong quá trình dạy học, hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh theo mục tiêu giáo dục.

3. *Đánh giá định kì* là đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh sau một giai đoạn học tập nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện, sự phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh theo yêu cầu cần đạt của môn học trong chương trình giáo dục trung học.

4. *Đánh giá bằng nhận xét* là dùng lời nói hoặc viết để nhận xét các biểu hiện cụ thể về thái độ, hành vi và kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh.

5. *Đánh giá bằng điểm số* là dùng điểm số để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện của học sinh.

**Điều 3. Mục đích đánh giá**

Mục đích đánh giá nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, xác định được kết quả học tập, rèn luyện của học sinh so với mục tiêu giáo dục và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục.

**Điều 4. Căn cứ, yêu cầu và nguyên tắc đánh giá**

1. Đánh giá học sinh theo quy định trong chương trình giáo dục trung học.

2. Đánh giá bảo đảm công bằng, trung thực và khách quan.

3. Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kĩ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; kết hợp đánh giá bằng nhận xét và bằng điểm số; kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha mẹ học sinh).

4. Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; bảo đảm không so sánh giữa các học sinh với nhau, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

Chương II

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH**

**Điều 5. Hình thức đánh giá**

1. Hình thức đánh giá các môn học

Các môn học: Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Âm nhạc, Mĩ thuật, Nội dung giáo dục của địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được đánh giá bằng nhận xét. Các môn học còn lại được đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số.

2. Đánh giá bằng nhận xét

a) Đánh giá bằng nhận xét được thực hiện trong quá trình dạy học các môn học, bao gồm: nhận xét của giáo viên đối với học sinh hoặc nhóm học sinh; học sinh tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau; nhận xét của cha mẹ học sinh và các tổ chức, cá nhân có liên quan, trong đó nêu rõ ưu điểm nổi bật, những điểm còn tồn tại, sự tiến bộ rõ nét của học sinh trong quá trình học tập, rèn luyện theo yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình môn học.

b) Đối với bài kiểm tra, đánh giá bằng nhận xét, đánh giá theo hai (02) mức:

- Mức Đạt: Đáp ứng yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình môn học.

- Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

3. Đánh giá bằng điểm số

a) Đánh giá bằng điểm số được thực hiện qua đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện của học sinh theo yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình môn học.

b) Đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm kiểm tra, đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

**Điều 6. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên**

1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập, hồ sơ học tập.

2. Môn học chỉ đánh giá bằng nhận xét (không bao gồm chuyên đề học tập lựa chọn) mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá thường xuyên ít nhất 2 lần trong một học kì.

3. Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số (không bao gồm chuyên đề học tập lựa chọn) mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần và việc lấy điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên (ĐĐGtx) trong một học kì quy định như sau:

- Môn học có 35 tiết/năm học: 2 ĐĐGtx;

- Môn học có trên 35 tiết đến 70 tiết/năm học: 3 ĐĐGtx;

- Môn học có trên 70 tiết/năm học: 4 ĐĐGtx.

4. Mỗi chuyên đề học tập lựa chọn đối với môn học chỉ đánh giá bằng nhận xét có 01 bài kiểm tra, đánh giá thường xuyên; đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 01 ĐĐGtx.

**Điều 7. Kiểm tra, đánh giá định kì**

1. Kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

- Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá định kì bằng bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính từ 45 phút đến 90 phút, đối với môn chuyên tối đa 120 phút. Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

- Đối với bài thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông trước khi thực hiện.

2. Trong mỗi học kì, mỗi môn học chỉ đánh giá bằng nhận xét có 01 bài kiểm tra, đánh giá giữa kì và 1 bài kiểm tra, đánh giá cuối kì.

3. Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 01 điểm kiểm tra, đánh giá giữa kì (ĐĐGgk) và 01 điểm kiểm tra, đánh giá cuối kì (ĐĐGck). Riêng môn Giáo dục quốc phòng và an ninh chỉ có ĐĐGck.

4. Những học sinh không đủ số lần/bài kiểm tra, đánh giá theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 6 và khoản 2, khoản 3 Điều này nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra, đánh giá bù với hình thức, yêu cầu cần đạt và thời gian tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu. Việc kiểm tra, đánh giá bù được hoàn thành trong từng học kì hoặc cuối năm học.

Trường hợp học sinh không có đủ số lần/bài kiểm tra, đánh giá theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 6 và khoản 2, khoản 3 Điều này mà không có lí do chính đáng hoặc có lí do chính đáng nhưng không tham gia kiểm tra, đánh giá bù sẽ được đánh giá "Chưa đạt" hoặc nhận điểm 0 (không) đối với lần/bài kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

**Điều 8. Kết quả đánh giá các môn học**

1. Đối với môn học chỉ đánh giá bằng nhận xét

a) Trong một học kì, đánh giá mỗi môn học (bao gồm cả chuyên đề học tập lựa chọn) theo hai (02) mức:

- Mức Đạt: Có đủ số lần/bài kiểm tra, đánh giá theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 6 và khoản 2, khoản 4 Điều 7 Thông tư này; ít nhất có 2/3 số bài kiểm tra, đánh giá trong đó có bài kiểm tra, đánh giá cuối kì được đánh giá mức Đạt.

- Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

Riêng môn Nghệ thuật, mỗi nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật được kiểm tra, đánh giá tương tự như môn học chỉ đánh giá bằng nhận xét. Môn Nghệ thuật được đánh giá mức Đạt khi cả hai nội dung Âm nhạc và Mĩ thuật đều được đánh giá ở mức Đạt.

b) Cả năm học, đánh giá mỗi môn học theo hai (02) mức:

- Mức Đạt: Có cả hai học kì ở mức Đạt.

- Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

c) Những học sinh có năng khiếu được giáo viên môn học ghi thêm nhận xét về những kết quả vượt trội trong từng học kì và cả năm học vào Học bạ học sinh; những học sinh có thành tích cao trong các môn học Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Âm nhạc, Mỹ thuật được miễn học các nội dung tương ứng theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số

a) Điểm trung bình môn học kì (ĐTBmhk) đối với mỗi môn học (bao gồm cả điểm đánh giá các chuyên đề học tập lựa chọn) là trung bình cộng của ĐĐGtx, ĐĐGgk và ĐĐGck như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| ĐTBmhk = | TĐĐGtx + 2 x ĐĐGgk + 3 x ĐĐGck |
| Số ĐĐGtx + 5 |

Đối với môn Giáo dục quốc phòng và an ninh:

|  |  |
| --- | --- |
| ĐTBmhk = | TĐĐGtx + 3 x ĐĐGck |
| Số ĐĐGtx + 3 |

TĐĐGtx: Tổng điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên.

b) Điểm trung bình môn cả năm (viết tắt là ĐTBmcn) là trung bình cộng của điểm trung bình môn học kì I (viết tắt là ĐTBmhkI) và điểm trung bình môn học kì II (viết tắt là ĐTBmhkII), như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| ĐTBmcn = | ĐTBmhkI + 2 x ĐTBmhkII |
| 3 |

3. Trường hợp môn học chỉ thực hiện trong một học kì thì lấy kết quả đánh giá của học kì đó làm kết quả đánh giá cả năm học.

**Điều 9. Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh**

1. Nhận xét về kết quả rèn luyện học sinh

a) Giáo viên môn học nhận xét ưu điểm nổi bật, tồn tại chính và sự tiến bộ rõ rệt của học sinh trong quá trình học tập, rèn luyện.

b) Giáo viên chủ nhiệm theo dõi quá trình học tập và rèn luyện của học sinh; căn cứ kết quả tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau của học sinh; tham khảo nhận xét của giáo viên môn học; tham khảo ý kiến của cha mẹ học sinh, các tổ chức cá nhân khác có tham gia quá trình giáo dục học sinh về ưu điểm nổi bật, tồn tại chính, sự tiến bộ của học sinh trong quá trình học tập và rèn luyện để nhận xét kết quả rèn luyệncủa học sinh và xếp theo các mức quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các mức đánh giá kết quả rèn luyệncủa học sinh

a) Kết quả rèn luyệncủa học sinh được xếp thành ba (03) mức: Tốt, Đạt, Cần rèn luyện thêm.

- Mức Tốt: Đáp ứng tốt yêu cầu cần đạt về phẩm chất và có những biểu hiện nổi bật.

- Mức Đạt: Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất.

- Mức Cần rèn luyện thêm: Các trường hợp còn lại.

b) Việc đánh giá kết quả rèn luyệncả năm học của học sinh căn cứ vào sự tiến bộ và kết quả đánh giá kết quả rèn luyệncủa học sinh trong Học kì II.

**Điều 10. Đánh giá kết quả học tập của học sinh**

1. Nhận xét về kết quả học tậpcủa học sinh

Giáo viên môn học căn cứ quá trình học tập, rèn luyện của học sinh theo yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình môn học để nhận xét ưu điểm nổi bật, một số tồn tại chính, những tiến bộ rõ rệt về kết quả học tập môn học của học sinh.

2. Đánh giá kết quả học tậpcủa học sinh trong học kì và cả năm học

Kết quả học tập của học sinh được đánh giá thành bốn (04) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

a) Mức Tốt, nếu có đủ các điều kiện sau:

- Tất cả các môn học đánh giá bằng điểm số có ĐTBmhk hoặc ĐTBmcn từ 6,5 trở lên, trong đó có từ 2/3 số môn học trở lên ĐTBmhk hoặc ĐTBmcn đạt từ 8,0 trở lên;

- Tất cả các môn học đánh giá chỉ bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.

b) Mức Khá, nếu có đủ các điều kiện sau:

- Tất cả các môn học đánh giá bằng điểm số có ĐTBmhk hoặc ĐTBmcn từ 5,0 trở lên, trong đó có từ 2/3 số môn học trở lên ĐTBmhk hoặc ĐTBmcn đạt từ 6,5 trở lên.

- Tất cả các môn học đánh giá chỉ bằng nhận xét được đánh giá ở mức Đạt.

c) Mức Đạt, nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có từ 2/3 số môn học đánh giá bằng điểm số trở lên có ĐTBmhk hoặc ĐTBmcn từ 5,0 trở lên; không có môn nào ĐTBmhk hoặc ĐTBmcn dưới 3,5.

- Tất cả các môn học đánh giá chỉ bằng nhận xét được đánh giá ở mức Đạt.

d) Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

**Điều 11. Các trường hợp được miễn học môn Giáo dục thể chất, phần thực hành môn Giáo dục quốc phòng và an ninh**

1. Học sinh được miễn học môn Giáo dục thể chất, phần thực hành môn Giáo dục quốc phòng và an ninh nếu gặp khó khăn trong học tập do mắc bệnh mãn tính, bị khuyết tật, bị tai nạn hoặc bị bệnh phải điều trị.

2. Hồ sơ xin miễn học gồm có: Đơn xin miễn học của học sinh và bệnh án hoặc giấy chứng nhận thương tật do bệnh viện từ cấp huyện trở lên cấp.

3. Việc cho phép miễn học đối với các trường hợp do bị ốm đau hoặc tai nạn chỉ áp dụng trong năm học; các trường hợp bị bệnh mãn tính, khuyết tật hoặc thương tật lâu dài được áp dụng cho cả năm học hoặc cả cấp học.

4. Hiệu trưởng nhà trường cho phép học sinh được miễn học môn Giáo dục thể chất, phần thực hành môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong một học kì hoặc cả năm học. Nếu được miễn học cả năm học thì môn học này không tham gia đánh giá, xếp loại của học kì và cả năm học; nếu chỉ được miễn học một học kì thì lấy kết quả đánh giá, xếp loại của học kì đã học làm kết quả đánh giá, xếp loại cả năm học.

5. Các trường hợp học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục quốc phòng và an ninh được kiểm tra, đánh giá thay thế về lý thuyết để có đủ cơ số điểm theo quy định.

**Điều 12. Đánh giá học sinh khuyết tật**

1. Việc đánh giá kết quả giáo dục của học sinh khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học.

2. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập, kết quả giáo dục môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung được đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân; không đánh giá những nội dung môn học, môn học hoặc nội dung giáo dục được miễn*.*

3. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục chuyên biệt, kết quả giáo dục của môn học mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chuyên biệt được đánh giá theo quy định dành cho giáo dục chuyên biệt. Những môn học mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu giáo dục chuyên biệt thì đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân.

**Chương III**

**SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ**

**Điều 13. Lên lớp hoặc không được lên lớp**

1. Học sinh có đủ các điều kiện dưới đây thì được lên lớp hoặc được công nhận hoàn thành chương trình:

a) Kết quả rèn luyện và học tập đều được đánh giá ở mức Đạt trở lên;

b) Nghỉ học không quá 45 buổi trong một năm học (bao gồm cả nghỉ học có phép và không phép; nghỉ học liên tục hoặc không liên tục; tính theo kế hoạch giáo dục 1 buổi/ngày quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông).

2. Học sinh thuộc một trong các trường hợp dưới đây thì không được lên lớp hoặc chưa được công nhận hoàn thành chương trình:

a) Nghỉ học quá 45 buổi trong một năm học (bao gồm cả nghỉ học có phép và không phép; nghỉ học liên tục hoặc không liên tục; tính theo kế hoạch giáo dục 01 buổi/ngày quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông).

b) Xếp loại cả năm học về kết quả rèn luyện ở mức Cần rèn luyện thêm và kết quả học tập ở mức Chưa đạt.

c) Sau khi đã được kiểm tra lại tất cả các môn học, môn đánh giá bằng điểm số có điểm trung bình dưới 5,0 hay môn đánh giá bằng nhận xét ở mức Chưa đạt, để xếp lại mức của kết quả học tập cả năm nhưng vẫn không được ở mức Đạt.

d) Xếp loại về kết quả rèn luyện cả năm ở mức Cần rèn luyện thêm, nhưng không rèn luyện trong kì nghỉ hè hoặc sau rèn luyện trong kì nghỉ hè vẫn ở mức Cần rèn luyện thêm.

3. Xét lên lớp hoặc công nhận hoàn thành chương trình đối với học sinh khuyết tật:

Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập các môn học của học sinh khuyết tật để xét lên lớp hoặc công nhận hoàn thành chương trình đối với học sinh khuyết tật học theo chương trình giáo dục chung hoặc căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh khuyết tật không đáp ứng được chương trình giáo dục chung để xét lên lớp hoặc công nhận hoàn thành chương trình.

4. Học sinh lớp 12 có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này hoặc có đủ điều kiện (đối với học sinh khuyết tật) được công nhận hoàn thành chương trình cấp trung học phổ thông.

**Điều 14. Kiểm tra, đánh giá lại các môn học**

Học sinh được xếp loại kết quả rèn luyện cả năm học từ mức Đạt trở lên, có môn học ở mức Chưa đạt hoặc có ĐTBmcn dưới 5,0 được kiểm tra, đánh giá lại. Kết quả kiểm tra, đánh giá lại được lấy thay thế cho kết quả kiểm tra, đánh giá cả năm học của môn học đó để xét lên lớp hoặc công nhận hoàn thành chương trình.

**Điều 15. Rèn luyện trong kì nghỉ hè**

Học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học ở mức Cần rèn luyện thêm thì phải rèn luyện trong kì nghỉ hè; hình thức rèn luyện do Hiệu trưởng quy định. Nhiệm vụ rèn luyện trong kì nghỉ hè được thông báo đến gia đình, chính quyền, đoàn thể xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) nơi học sinh cư trú. Cuối kì nghỉ hè, nếu được Uỷ ban nhân dân cấp xã công nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thì giáo viên chủ nhiệm đề nghị Hiệu trưởng cho xếp loại lại kết quả rèn luyện của cả năm học.

**Điều 16. Khen thưởng**

1. Hiệu trưởng tặng giấy khen cho học sinh

a) Khen thưởng cuối năm học

- Khen thưởng danh hiệu “Học sinh hoàn thành tốt” đối với những học sinh có kết quả xếp loại rèn luyện đạt mức Tốt và kết quả học tập đạt mức Tốt.

- Khen thưởng danh hiệu “Học sinh hoàn thành xuất sắc” đối với những học sinh có kết quả xếp loại rèn luyện đạt mức Tốt, kết quả học tập đạt mức Tốt và có ít nhất 03 môn học được đánh giá bằng nhận xét kết hợp với điểm số có ĐTBmcn đạt từ 9,0 trở lên.

b) Khen thưởng học sinh có tiến bộ vượt bậc trong học tập và rèn luyện hoặc thành tích đột xuất trong năm học.

2. Học sinh có thành tích đặc biệt được nhà trường xem xét, đề nghị cấp trên khen thưởng.

**Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

**Điều 17. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo**

1. Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện đánh giá học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông tại địa phương.

2. Hướng dẫn sử dụng Sổ theo dõi và đánh giá học sinh, Học bạ học sinh trong trường hợp thực hiện Sổ theo dõi và đánh giá học sinh và Học bạ học sinh dạng điện tử.

3. Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư này tại địa phương.

4. Báo cáo kết quả tổ chức thực hiện đánh giá học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

**Điều 18. Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo**

1. Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện đánh giá học sinh trung học cơ sở trên địa bàn.

2. Hướng dẫn sử dụng Sổ theo dõi và đánh giá học sinh, Học bạ học sinh (cấp trung học cơ sở) trong trường hợp thực hiện Sổ theo dõi và đánh giá học sinh và Học bạ học sinh dạng điện tử, theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư này trên địa bàn.

4. Báo cáo kết quả tổ chức thực hiện đánh giá học sinh về Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

**Điều 19. Trách nhiệm của Hiệu trưởng**

1. Quản lý, hướng dẫn giáo viên, nhân viên, học sinh thực hiện và phổ biến đến gia đình học sinh các quy định của Thông tư này; vận dụng các quy định trong Thông tư này để đánh giá học sinh khuyết tật; tôn trọng quyền tự chủ của giáo viên trong việc thực hiện các quy định của Thông tư này.

2. Chỉ đạo tổ chuyên môn ra đề kiểm tra, đánh giá định kì theo ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đánh giá; tổ chức thực hiện việc kiểm tra, đánh giá theo quy định của Thông tư này tại cơ sở giáo dục.

3. Kiểm tra việc thực hiện quy định về kiểm tra, đánh giá của giáo viên. Hàng tháng ghi nhận xét và ký xác nhận vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học).

4. Kiểm tra việc đánh giá, ghi kết quả vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học), Học bạ học sinh của giáo viên môn học, giáo viên chủ nhiệm; phê duyệt việc sửa chữa điểm, sửa chữa mức nhận xét của giáo viên môn học khi đã có xác nhận của giáo viên chủ nhiệm.

5. Tổ chức kiểm tra lại các môn học theo quy định tại Điều 14 Thông tư này; phê duyệt và công bố danh sách học sinh được lên lớp sau khi có kết quả kiểm tra lại các môn học, kết quả rèn luyện trong kì nghỉ hè.

6. Kiểm tra, yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện Thông tư này phải khắc phục ngay sai sót trong những việc sau đây:

a) Thực hiện số lần, số bài, số điểm kiểm tra, đánh giá; ghi điểm, ghi nhận xét và các mức đánh giá vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học), Học bạ học sinh;

b) Sử dụng kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

7. Xét duyệt danh sách học sinh được lên lớp, không được lên lớp, danh hiệu thi đua, kiểm tra lại các môn học, rèn luyện trong kì nghỉ hè. Phê duyệt kết quả đánh giá học sinh trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) và Học bạ học sinh sau khi tất cả giáo viên môn học và giáo viên chủ nhiệm đã ghi nội dung.

8. Giải trình, giải quyết thắc mắc, kiến nghị về đánh giá học sinh trong phạm vi và quyền hạn của Hiệu trưởng. Đề nghị các cấp có thẩm quyền quyết định xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm; quyết định khen thưởng theo thẩm quyền, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Thông tư này.

**Điều 20. Trách nhiệm của giáo viên môn học**

1. Thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên; tham gia kiểm tra, đánh giá định kì theo phân công của Hiệu trưởng; trực tiếp ghi điểm hoặc mức nhận xét (đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét) vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học; của giáo viên). Đối với hình thức kiểm tra, đánh giá bằng hỏi - đáp, giáo viên phải nhận xét, góp ý kết quả trả lời của học sinh trước lớp; nếu quyết định cho điểm hoặc ghi nhận xét (đối với các môn đánh giá bằng nhận xét) vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên) thì phải thực hiện ngay sau đó.

2. Tính điểm trung bình môn học (đối với các môn học kết hợp đánh giá bằng nhận xét và điểm số), mức đánh giá (đối với các môn học chỉ đánh giá bằng nhận xét) theo học kì, cả năm học và trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học), Học bạ học sinh.

3. Cung cấp thông tin nhận xét về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 10 Thông tư này cho giáo viên chủ nhiệm.

**Điều 21. Trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm**

1. Kiểm tra Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học); giúp Hiệu trưởng theo dõi việc đánh giá học sinh theo quy định của Thông tư này.

2. Xác nhận việc sửa chữa điểm, sửa chữa mức đánh giá của giáo viên môn học trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học), Học bạ học sinh.

3. Đánh giá kết quả rèn luyện của từng học kì và cả năm học của học sinh theo quy định tại Điều 9 Thông tư này; lập danh sách học sinh được lên lớp, không được lên lớp; học sinh được công nhận danh hiệu Học sinh hoàn thành xuất sắc, Học sinh hoàn thành tốt; học sinh phải kiểm tra lại các môn học; học sinh phải rèn luyện thêm trong kì nghỉ hè.

4. Lập danh sách học sinh đề nghị khen thưởng cuối năm học.

5. Ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học), Học bạ học sinh:

a) Nội dung nhận xét về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh; mức đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh;

b) Kết quả được lên lớp hoặc không được lên lớp, công nhận học sinh đạt danh hiệu Học sinh hoàn thành xuất sắc, Học sinh hoàn thành tốt, học sinh có tiến bộ vượt bậc trong học tập và rèn luyện hoặc thành tích đột xuất trong năm học, học sinh được lên lớp sau khi kiểm tra lại hoặc rèn luyện thêm trong kì nghỉ hè.

6. Hướng dẫn học sinh tự đánh giá và nhận xét lẫn nhau. Phối hợp với giáo viên môn học, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Ban Đại diện cha mẹ học sinh của lớp và các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia đánh giá học sinh.

7. Thông báo riêng cho cha mẹ học sinh về quá trình học tập, rèn luyện và kết quả giáo dục của mỗi học sinh.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 22. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021 và thực hiện theo lộ trình sau:

- Từ năm học 2021-2022 đối với lớp 6.

- Từ năm học 2022-2023 đối với lớp 7 và lớp 10.

- Từ năm học 2023-2024 đối với lớp 8 và lớp 11.

- Từ năm học 2024-2025 đối với lớp 9 và lớp 12.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông và Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được áp dụng cho đến khi các quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện.

**Điều 23.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, người đứng đầu cơ sở giáo dục trung học cơ sở, trung học phổ thông, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chính phủ;- UBVHGDTNTNNĐ của Quốc hội;- Ban Tuyên giáo Trung ương;- Hội đồng quốc gia giáo dục;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Như Điều 23 (để thực hiện);- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);- Công báo;- Kiểm toán Nhà nước;- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ; - Cổng Thông tin điện tử Bộ GDĐT;- Lưu VT, Vụ PC, Vụ GDTrH. | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Hữu Độ** |